Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-11-2019
V/v "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Văn Mỳ

2. Ông Đặng Văn Nga

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Tổ 5, Khu 2, Ấp B, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Phạm Tấn H, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Tổ 5, Khu 2, Ấp B, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M có mặt, anh H xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 193 quyển số 03 ngày 29/8/2016.

Chị và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình nhau; Anh H không tôn trọng và xúc phạm gia đình mẹ chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nhưng vì con cái nên chị cố gắng chịu đựng để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Chị đã cho anh H nhiều cơ hội để sửa sai nhưng anh H vẫn không thay đổi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Mâu thuẫn của chị và anh H chưa được chính quyền địa phương hòa giải. Tuy vợ chồng sống chung nhà nhưng cả hai không còn quan tâm, chăm sóc gì cho nhau.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung tên Phạm Hòa T, sinh ngày 16/02/1997 và Phạm Phương Th, sinh ngày 30/12/2000. Các con đã thành niên, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai có tại hồ sơ, bị đơn anh Phạm Tấn H trình bày:*

Anh và chị M tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng 2 – 3 năm trở lại đây vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị M hay đi chùa dài ngày không về nhà, bỏ bê nhà cửa, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Khi chị M về nhà, anh khuyên bảo nhưng chị M không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau. Tình trạng xung đột xảy ra thường xuyên mấy năm nay, chị M vẫn không chịu sửa đổi, khiến anh thấy bực tức nên dẫn đến la mắng chị M. Khi bị la mắng, chị M lại bỏ đi 3 – 4 ngày lại mới về nhà một lần. Có lúc mâu thuẫn đỉnh điểm, không kiềm chế được anh đã đánh chị M. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài nên chị M mới nộp đơn ly hôn. Mâu thuẫn của anh chị chưa được chính quyền địa phương, gia đình hòa giải. Nay chị M xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh muốn vợ chồng cùng sửa đổi, hàn gắn, đoàn tụ.

- Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung tên Phạm Hòa T, sinh ngày 16/02/1997 và Phạm Phương Th, sinh ngày 30/12/2000. Các con đã thành niên, có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm*:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầu đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự: Chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị M không còn tình cảm với anh H. Đề nghị cho chị M được ly hôn với anh H; Về quan hệ con chung: Chị M anh H có 02 con chung tên Phạm Hòa T, sinh ngày 16/02/1997 và Phạm Phương Th, sinh ngày 30/12/2000. Các con đã thành niên, có khả năng lao động nên đề nghị không giải quyết; Tài sản chung và nợ chung: Anh H, chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Án phí: Chị M phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên toà sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Tuyết M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Phạm Tấn H xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết theo quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện về việc "Ly hôn" với anh Phạm Tấn H, nơi cư trú: Tổ 5, Khu 2, Ấp B, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Nguyễn Thị Tuyết M là nguyên đơn, anh Phạm Tấn H là bị đơn; quan hệ pháp luật là "*Ly hôn*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Phạm Tấn H kết hôn với nhau năm 1997, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 193 quyển số 03 ngày 29/8/2016 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh H là có thật, đã trầm trọng và kéo dài, thể hiện: Chị M và anh H đều thừa nhận, mâu thuẫn của anh chị phát sinh do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình nhau, anh chị đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả; Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V: Trong quá trình chung sống, chị M và anh H có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân có sự xung đột, xích mích trong gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh H chưa được chính quyền địa phương hòa giải. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần mời chị M, anh H đến Tòa án để làm việc, hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án tham gia tố tụng, mặc dù anh H mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ, thể hiện anh H không có trách nhiệm với cuộc hôn nhân của mình. Còn chị M vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó có cơ sở cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Phạm Tấn H.

[4]. Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung tên Phạm Hòa T, sinh ngày 16/02/1997 và Phạm Phương Th, sinh ngày 30/12/2000. Các con đã thành niên, có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M, anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002083 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89, 91 và Điều 92 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn anh Phạm Tấn H.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Phạm Tấn H có 02 con chung tên Phạm Hòa T, sinh ngày 16/02/1997 và Phạm Phương Th, sinh ngày 30/12/2000. Các con đã thành niên, có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002083 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tuyết M được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Tấn H được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND huyện Vĩnh Cửu (02);
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu (01);
- UBND xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Võ Xuân Sơn